

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH BẮC GIANG      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 28 tháng 01 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Hảo

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Hải Lý

## 2. Ông Lương Ngọc Biên

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng:** Bà Vũ Thị Lành -  
Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số 276/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bi đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:** Chị và anh L lấy nhau là tự nguyện, không bị ép buộc, chị và anh L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức cưới xin nhưng không đến UBND xã đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là do chị mới 15 tuổi, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, đến khi đủ tuổi đăng ký kết hôn thì chị và anh L cũng không đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống không có hạnh phúc từ khi kết hôn đến nay, anh L thường xuyên uống rượu và đánh đập chị, nhưng nghĩ vì thương con nên chị lại bỏ qua và cố sống. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là

năm 2010, nguyên nhân do anh L thường xuyên đi chơi bờ qua đêm, anh L không có công việc ổn định, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà chửi bới, đánh đập chị. Đến tháng 9/2018, anh L có quan hệ bất chính bên ngoài và mang bệnh, từ đó tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng kinh tế của ai người ấy lo, quan hệ tình cảm chấm dứt từ đó. Chị và bố mẹ, anh em đã nhiều lần khuyên bảo, động viên anh L bỏ rượu nhưng anh L không nghe. Gần đây nhất là vào tháng 12, anh L uống rượu về chửi bới chị và các con cả ngày đêm và đập phá đồ đạc trong nhà, chị đã báo chính quyền thôn đến để dàn xếp và khuyên bảo anh L. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bố mẹ chị và mọi người trong gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều nhưng anh L không thay đổi, vẫn thường xuyên uống rượu say xỉn về chửi bới chị và không đi làm ăn gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh L và vợ chồng.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 23/01/2002 và Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 17/01/2007. Hiện cháu Th đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi dưỡng cháu Ng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H trình bày: Từ khi về chung sống với anh L, cuộc sống của chị đã không có hạnh phúc, anh L thường xuyên uống rượu say, nhiều đêm anh L bắt chị phải quan hệ tình cảm, không cho chị ngủ, cuộc sống của chị như địa ngục, nay các con chị đã lớn chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh L là vợ chồng. Về con chung: Hiện tại cháu Th đã đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Ng có nguyện vọng ở với chị, chị nhất trí nuôi cháu Ng, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con, hiện chị làm công nhân, thu nhập của chị mỗi tháng 10.000.000 đồng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chị giữ nguyên ý kiến đã trình bày:

**\* *Tại bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa anh bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*** Anh và chị H lấy nhau là tự nguyện, có tổ chức cưới xin, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H năm 2000 (anh Luyến không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn). Vợ chồng chung sống hòa thuận từ khi kết hôn đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh L không có chứng cứ về việc này. Biết sự việc này, anh không đánh chỉ dọa chị, ngoài ra còn do anh thỉnh thoảng uống rượu về không đánh chị H nhưng có chửi vợ, chị H khuyên bảo

nhiều quá anh không chịu được nên vợ chồng cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, cứ nói chuyện là cãi nhau, tuy sống cùng nhà nhưng vợ chồng không quan tâm đến nhau. Sự việc vợ chồng mâu thuẫn gia đình không dàn xếp gì. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H xin ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 23/01/2002 và Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 17/01/2007. Hiện cháu Th đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu Ng.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh L trình bày: Anh xác định vợ chồng mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng, từ năm 2018 đến nay chị H không quan tâm gì đến anh, vợ chồng không quan hệ tình cảm, chị H không còn tình cảm với anh nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản anh giữ nguyên như ý kiến trình bày.

**\* *Tại biên bản ghi lời khai của cháu Nguyễn Thị Ng trình bày:*** Nguyện vọng của cháu là muốn ở với mẹ.

**\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được:**

+ Tại biên bản xác minh ông Dương Như Kh, trưởng thôn T, xã H và bà Nguyễn Thị R, Hội trưởng hội phụ nữ xã H cung cấp: Chị H và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn, do chị H chưa đủ tuổi. Quá trình chung sống chị H và anh L có mâu thuẫn từ khi nào ông bà không biết nhưng nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu về say xỉn gây sự với vợ con, chính quyền thôn và Hội phụ nữ xã đã ba lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và khuyên anh Luyên không uống rượu nữa. Nay chị H xin ly hôn anh L, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tại biên bản xác minh của UBND xã H, bà Nguyễn Thị H, cán bộ Tư pháp - hộ tịch cung cấp: Kiểm tra toàn bộ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay, không có trường hợp nào là Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; nguyên quán: thôn K, xã H, huyện Y; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện Y đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thôn T, xã H, huyện Y.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng; Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 17/01/2007. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa sai phạm: Không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Chị H và anh L đều xác định quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Chị H xác định mâu thuẫn phát sinh năm 2010, nguyên nhân do anh L không có công việc ổn định, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu say xỉn về đánh đập vợ con, gia đình và chị đã khuyên bảo nhiều nhưng anh L không bỏ được rượu. Còn anh L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và do anh thỉnh thoảng uống rượu về chửi vợ nên vợ chồng cãi nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng anh L đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh L là vợ chồng, còn anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn thì thấy, bản thân anh L thừa nhận việc anh thỉnh thoảng uống rượu và chửi vợ con. Qua xác minh với trưởng thôn, Hội phụ nữ xã và mẹ chị H được biết, nguyên nhân dẫn đến việc mâu thuẫn giữa chị Hồng và anh Luyến là do anh L thường xuyên uống rượu về đánh chửi vợ con, mặc dù đã được gia đình, chính quyền động viên nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Vợ chồng chung sống với nhau là phải có nghĩa vụ và trách nhiệm yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mục đích của hôn nhân là vợ chồng sống hạnh phúc. Tình trạng anh L uống rượu say xỉn đã kéo dài nhiều năm, khi say lại gây sự, đánh chửi vợ con, cả chị H và anh L đều xác định vợ chồng sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, quan hệ tình cảm chấm dứt từ lâu, kinh tế của ai người ấy lo. Điều này có thể thấy mâu thuẫn giữa

chị H và anh L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị H đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh L là vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Chị H và anh L có 02 con chung Nguyễn Văn Th, sinh ngày 23/01/2002 và Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 17/01/2007. Hiện nay cháu Thắng đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Ng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án lấy lời khai của cháu, khi bố mẹ ly hôn cháu Ng có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Chị H có nguyện vọng nuôi cháu Ng và không yêu cầu anh Luyến cấp dưỡng nuôi con, anh L nhất trí đề nghị Tòa án giao cháu Ng cho chị H nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Nguyễn Thị Ng cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[4]. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu

[5]. Về tài sản chung: Chị H và anh L đều xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

## **2. Xử:**

2.1. Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 17/01/2007 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.300.000đ theo biên lai số AA/2018/0004469 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Yên Dũng.

**3. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Yên Dũng.
- CCTHADS huyện Yên Dũng ;
- UBND xã H;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thanh Hảo**